

**CÔNG TY TNHH ĐÀO TẠO VÀ THƯƠNG MẠI SKY GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐÀO TẠO VÀ THƯƠNG MẠI SKY GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SKY GROUP TRAINING AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SKY GROUP TRAINING AND TRADING CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110107789

**3. Ngày thành lập:** 06/09/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

A48 Khu tái định cư LK19A, 19B, X7, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0387318633

Fax:

Email: Skygroup.lienhe@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                   | 4610     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                          | 4620     |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4632     |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4633     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4641     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4651     |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4652     |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4653     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng                                                                                                                                                                                               | 4659 |
| 11. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép (trừ mua bán vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                    | 4662 |
| 12. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, vécni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim | 4663 |
| 13. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn giấy, mực in, vật tư ngành in, vật phẩm quảng cáo                                                                                                                                                                                       | 4669 |
| 14. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: tổ chức hội nghị, hội thảo (trừ các hoạt động trong lĩnh vực có sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, phim, ảnh...)                                                                              | 8230 |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                             | 8299 |
| 16. | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8511 |
| 17. | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8512 |
| 18. | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8521 |
| 19. | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8522 |
| 20. | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8523 |
| 21. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8531 |
| 22. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8532 |
| 23. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8533 |
| 24. | Đào tạo đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8541 |
| 25. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8551 |
| 26. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                | 8552 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 27. | <p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng</li> <li>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);</li> <li>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;</li> <li>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;</li> <li>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;</li> <li>- Dạy đọc nhanh;</li> <li>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;</li> <li>- Dạy máy tính.</li> </ul> <p>( Trừ dạy về Tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng, Đoàn thể)</p> | 8559(Chính) |
| 28. | <p>Dịch vụ hỗ trợ giáo dục</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn giáo dục</li> <li>- Tư vấn du học</li> <li>- Hoạt động hỗ trợ tuyển sinh cho các đơn vị, tổ chức giáo dục đào tạo có liên kết với công ty</li> <li>- Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8560        |
| 29. | <p>Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn đầu tư</p> <p>(Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6619        |
| 30. | <p>Hoạt động tư vấn quản lý</p> <p>(Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7020        |
| 31. | <p>Quảng cáo</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7310        |
| 32. | <p>Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận</p> <p>(không bao gồm hoạt động điều tra và các hoạt động Nhà nước cấm)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7320        |
| 33. | <p>Hoạt động thiết kế chuyên dụng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7410        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động phiên dịch<br>- Dịch thuật.<br>- Tư vấn chuyển giao công nghệ<br>- Hoạt động môi giới thương mại (trừ môi giới bất động sản, môi giới bảo hiểm).<br>- Tư vấn về công nghệ khác<br>- Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý...<br>- Hoạt động của các tác giả sách khoa học và công nghệ;<br>- Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền); | 7490 |
| 35. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4722 |
| 36. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1811 |
| 37. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1812 |
| 38. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1820 |
| 39. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít<br>(Trừ sản xuất hóa chất)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2022 |
| 40. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ sách, truyện, báo, tạp chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4789 |
| 41. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4791 |
| 42. | Xuất bản sách                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5811 |
| 43. | Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5813 |
| 44. | Xuất bản phần mềm<br>Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh phần mềm và các dịch vụ liên quan đến phần mềm giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5820 |
| 45. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Hoạt động thương mại điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6190 |
| 46. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác<br>Chi tiết: Cho thuê sách, tạp chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7729 |
| 47. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7810 |
| 48. | Cung ứng lao động tạm thời<br>(trừ cho thuê lại lao động, chỉ hoạt động khi được Sở Lao động và Thương binh xã hội cấp giấy phép và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7820 |

|     |                                                                                                                                                                                                  |                                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 49. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động (trừ cho thuê lại lao động, chỉ hoạt động khi được Sở Lao động và Thương binh xã hội cấp giấy phép và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật) | 7830                                                                |
| 50. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                            | 8211                                                                |
| 51. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                         | 8219                                                                |
| 52. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                           | 4741                                                                |
| 53. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                             | 4752                                                                |
| 54. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                          | 4759                                                                |
| 55. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                         | 4761                                                                |
| 56. | Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật                                                       | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGÔ MINH ĐIỆP

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 13/06/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 022084004030

Ngày cấp: 26/02/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số nhà 103 Tổ 5 TDP Xuân Hà, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 103 Tổ 5 TDP Xuân Hà, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGÔ MINH ĐIẾP

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/06/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 022084004030

Ngày cấp: 26/02/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số nhà 103 Tổ 5 TDP Xuân Hà, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 103 Tổ 5 TDP Xuân Hà, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội